TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 07/2023/HC-GĐT
Ngày 08 tháng 8 năm 2023
V/v *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về bồi thường thiệt hại, hỗ trợ, tái định cư và quyết định giải quyết khiếu nại"*

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh gồm có: 09/13 thành viên tham gia xét xử, do ông Nguyễn Xuân Thiện - Phó Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh làm Chủ tọa phiên tòa theo sự ủy nhiệm của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thư ký phiên tòa: bà Trương Thị Cẩm Linh - Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Thanh T - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm vụ án hành chính về *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về bồi thường thiệt hại, hỗ trợ, tái định cư và quyết định giải quyết khiếu nại"* giữa:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1965; địa chỉ: Số A N, Tổ B, khu phố C, phường A, Quận B (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân Quận B (nay là Ủy ban nhân dân thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B (nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Cùng địa chỉ: Số A đường T, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân phường A, Quận B (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Số A đường L, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Bà Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1988; địa chỉ: Số A N, Tổ B, khu phố C, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện - ông Nguyễn Văn H trình bày: Trước năm 1975, cha mẹ ông Nguyễn Văn H là cụ Nguyễn Văn N (chết năm 1971) và cụ Hồ Thị G (chết năm 2010) đã tạo lập nhà đất tọa lạc Số B, Ấp B, phường A, Quận B (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 1990, cụ G phân chia cho các con, cụ thể: ông Nguyễn Tấn T1 được nhận Số nhà 215 (hộ ghép), ông Nguyễn Văn Đ được nhận Số nhà 215A và bà Nguyễn Thị Thanh D được nhận Số nhà B. Cả ba căn nhà này đều có mặt tiền hướng ra đường N. Phần còn lại căn nhà giáp đất Đồn Đá thì cụ G ở và tặng cho ông Nguyễn Văn H.

Năm 1992, khi ông H từ Canada trở về, thấy căn nhà xuống cấp nên đã xây dựng lại, cấu trúc 1 trệt 1 lầu với diện tích đất 250m^2, mặt tiền hướng ra đường L. Khi xây dựng nhà thì ông H không xin phép và cũng không bị xử phạt vi phạm hành chính. Ông có quay phim ghi hình lại thời điểm xây dựng xong căn nhà là vào tháng 5 năm 1993. Cụ G là người trực tiếp quản lý, sử dụng căn nhà này.

Năm 1999, cụ G kê khai đăng ký nhà đất (kê khai 3376), có xác nhận của Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2003, cụ G xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất. Ngày 11/3/2003, B, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Thông báo số 67/TB-UB, về việc tạm cấp số nhà đối với ngôi nhà trên là Số B Tổ A, Ấp B, phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 10/12/2003, B ban hành Công văn số 4214/UB-QLĐT, hoàn trả hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận cho cụ G, với lý do: nhà đất thuộc quy hoạch ga hành khách trung tâm.

Ngày 17/9/2003, cụ G lập di chúc tặng cho ông H toàn bộ nhà đất do cụ G đang quản lý. Ngày 23/3/2004, UBND phường A ban hành Công văn số 73/UB-QLĐT, về tạm đình chỉ cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở nhà đất trên với lý do nhà đất thuộc khu đất Đồn Đá do chế độ cũ để lại (đất công).

Ngày 13/2/2007, Bộ G2 ban hành Quyết định số 334/QĐ-BGTVT phê duyệt đầu tư Dự án xây dựng đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - L - D. Toàn bộ nhà đất của cụ G, ông H quản lý và nhà đất của các anh chị em ông H

được cụ G phân chia đều thuộc quy hoạch dự án này. Các anh chị em của ông H là bà D, ông Đ, ông T1 sử dụng nhà đất có cùng nguồn gốc do cha mẹ cho và cùng vị trí đã được bồi thường theo đơn giá đất ở, sử dụng trước 15/10/1993.

Ông H đã nhận giá trị bồi thường, hỗ trợ công trình xây dựng và vật kiến trúc trên đất và các khoản hỗ trợ khác, tổng số tiền là 1.035.423.420 đồng. Tuy nhiên, phần đất do ông H quản lý không được bồi thường theo đơn giá đất ở sử dụng trước ngày 15/10/1993. Vì vậy, ông H khiếu nại đến B, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 09/4/2013, B ban hành Quyết định số 2101/QĐ-UBND, xác định 100m^2 đất ở chiếm dụng sau năm 1999 đến trước ngày 22/4/2002 (vị trí mặt tiền đường L); 140,80m^2 đất nông nghiệp trồng cây lâu năm chiếm dụng trước ngày 15/10/1993. Không đồng ý, ông H tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch B, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 4619/QĐ-UBND-TNMT ngày 22/7/2013, Chủ tịch B, Thành phố Hồ Chí Minh không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của ông H.

Ông H khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 2101/QĐUBND ngày 09/4/2013 của B về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đối với nhà đất tại địa chỉ B (đã đổi thành B), Ấp B (Khu phố B), phường A, Quận B, thuộc một phần thửa 123, 126, tờ bản đồ số 65 (BĐĐC 2003), phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo bản đồ hiện trạng vị trí (để phục vụ công tác bồi thường) do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất -Phòng T2, Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 01/02/2013, UBND phường A xác nhận ngày 02/02/2013 và yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 4619/QĐ-UBND-TNMT ngày 22/7/2013 của Chủ tịch B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bị kiện - Ủy ban nhân dân Quận B (nay là Ủy ban nhân dân thành phố T) và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B (nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T) trình bày: căn nhà số B N, phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh của ông Nguyễn Văn H có diện tích khuôn viên là 245m^2 có nguồn gốc thuộc một phần khu đất Đồn đá diện tích 2.015m^2. Trước năm 1975, phần đất này là đất đồn bốt quân sự do chế độ cũ quản lý. Sau năm 1975, Nhà nước tiếp tục quản lý, một phần được sử dụng làm trụ sở Công an phường A, một phần được sử dụng làm trụ sở Ban Quản lý dự án khu vực quận B (nay là Ban Q), một phần sử dụng để xây dựng nhà tình nghĩa, một phần hiện trạng là Đồn đá và đất trống, phần đất còn lại do một số hộ dân chiếm dụng xây dựng nhà ở, trong đó có căn nhà số B của ông H.

Trong quá trình sử dụng, cụ Hồ Thị G và ông Nguyễn Văn H không kê khai nộp thuế nhà đất. Do đó, phần đất trên đó có căn nhà số B N, khu phố B, phường A của ông Nguyễn Văn H có nguồn gốc chiếm dụng đất công do Nhà nước trực tiếp quản lý, thời điểm xây dựng nhà sau năm 1999 đến trước ngày 22/4/2002.

Theo Giấy xác nhận tình trạng pháp lý nhà đất số 12/UBND-XN ngày 06/02/2013 của UBND phường A thể hiện nguồn gốc đất diện tích 0,7m^2 thuộc ô số (9) của bản vẽ hiện trạng bồi thường là đất công (khu đất đồn đá) do gia đình cụ G sử dụng và đã bồi thường, giải phóng mặt bằng trong dự án đại lộ Đ. Phần diện tích 240,8m^2 thuộc các ô số (1), (2), (4) của bản vẽ hiện trạng bồi thường có nguồn gốc đất công (khu đất đồn đá) do Nhà nước quản lý, cụ G chiếm dụng trước 15/10/1993 và sử dụng đến nay. Phần diện tích 3,5m^2 thuộc ô số (3) thuộc khuôn viên đất ở do cụ G sử dụng trước năm 1993 đến nay, không lấn chiếm. Kết cấu xây dựng thuộc ô số (9) xây dựng sau năm 1999, trước ngày 22/4/2002. Kết cấu ô số (3), một phần ô số (4) diện tích 44,39m^2, phần gác thuộc ô số (7) do gia đình cụ G xây dựng năm 1999 để ở. Kết cấu thuộc ô số (4) còn lại, một phần ô số (2) diện tích 74,96m^2 do gia đình cụ G xây dựng thêm sau năm 1999, trước ngày 22/4/2002 để ở. Kết cấu thuộc ô số (2) còn lại, ô số (1), (5), (6), (8), sửa chữa, xây dựng thêm năm 2010.

Năm 2011, cụ G chết, trước khi chết, cụ G đã lập di chúc cho con là ông Nguyễn Văn H toàn bộ căn nhà số B L, khu phố B, phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh có chứng thực của UBND phường A ngày 17/9/2003, kê khai 3376 năm 1999. Diện tích chênh lệch giữa hiện trạng sử dụng với kê khai 3376 là do gia đình cụ G kê khai không chính xác.

Ngày 04/4/2013, Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng đoạn tuyến kết nối Đại lộ Đ – Tây với đường C - L - D lập Bảng chiết tính số 251/AP đối với hộ ông Nguyễn Văn H như sau:

A. Bồi thường, hỗ trợ về đất: Về đất ở, chuyển mục đích sử dụng sau năm 1999 đến trước ngày 22/4/2002 (vị trí mặt tiền đường L): 3,5m² x 30.070.000đ/m² x 100% = 105.245.000 đồng. Đất ở chiếm dụng sau năm 1999 đến trước ngày 22/4/2002 (vị trí mặt tiền đường L): 100m^2 x 30.070.000đ/m^2 x 20%= 601.400.000 đồng. Đất nông nghiệp trồng cây lâu năm chiếm dụng trước ngày 15/10/1993: 140,8m² x 190.000đ/m² x 80% = 21.401.600 đồng. Đất thuộc Đại lộ Đ - Tây đã bồi thường giải phóng mặt bằng 0,7m^2 không bồi thường. Khấu trừ nghĩa vụ tài chính đối với đất ở chuyển mục đích sử dụng sau năm 1999 đến trước ngày 22/4/2002, vị trí mặt tiền đường L: 3,5m² x 6.600.000đ/m² x 50% = 11.550.000 đồng.

B. Bồi thường, hỗ trợ công trình xây dựng và vật kiến trúc trên đất: 308.426.820 đồng.

C. Bồi thường thiệt hại về trang thiết bị và tài sản khác: 4.500.000 đồng.

E. Các khoản hỗ trợ khác: 6.000.000 đồng.

F. Chính sách và điều kiện tái định cư: Trường hợp không còn chỗ ở nào khác trong địa bàn phường (có xác nhận của UBND phường) thì được bố trí tái định cư.

Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ là: 1.035.423.420 đồng.

Trường hợp đủ điều kiện tái định cư mà không đăng ký tái định cư thì hỗ trợ chi phí đầu tư hạ tầng/m^2, cụ thể: hỗ trợ chi phí đầu tư hạ tầng: 3,5m^2 x 487.000đ/m^2 = 1.704.500 đồng.

Ngày 09/4/2013, Chủ tịch B ban hành Quyết định số 2101/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với ông Nguyễn Văn H (đại diện đứng tên hồ sơ, do chưa khai nhận di sản thừa kế) có Căn nhà số B, Nguyễn Thị Đ1, khu phố C, phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc một phần thửa 123, 126, tờ bản đồ số 65 (BĐĐC 2003), phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, với tổng số tiền 1.035.423.420 đồng. Về tái định cư: trường hợp không còn chỗ ở nào khác trong địa bàn phường (có xác nhận của UBND phường) thì được bố trí tái định cư.

Ngày 27/9/2013, Chủ tịch B ban hành Quyết định số 5760/QĐ-UBND về việc điều chỉnh tên chủ sử dụng tại Quyết định số 2101/QĐ-UBND ngày 09/4/2013 của Chủ tịch B kèm theo Bảng chiết tính số 251/AP lập ngày 04/3/2013. Hiện nay, ông Nguyễn Văn H đã nhận toàn bộ số tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án. Việc ông Nguyễn Văn H yêu cầu bồi thường đủ diện tích 245m^2 theo đơn giá đất ở sử dụng trước 15/10/1993 là không có cơ sở. B chiết tính bồi thường, hỗ trợ công trình xây dựng và vật kiến trúc trên đất là đúng quy định của pháp luật, phù hợp với Khoản 2 Điều 2 Quyết định số 66/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND Thành phố H. Việc B ban hành Quyết định số 2101/QĐ-UBND ngày 09/4/2013 về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đối với ông Nguyễn Văn H là đúng trình tự, thủ tục, chính sách và phù hợp theo quy định của pháp luật; đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - UBND phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh trình bày: UBND phường A giữ nguyên nội dung tại Giấy xác nhận tình trạng pháp lý nhà đất số 12/UBND-XN ngày 06/02/2013 và Giấy xác nhận hồ sơ pháp lý điều chỉnh số 76/UBND-XN ngày 25/9/2013 của UBND phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Ngọc A trình bày: bà Ngọc A là vợ ông Nguyễn Văn H, thống nhất với ý kiến và yêu cầu của ông H. Ngoài ra, bà không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2019/HC-ST ngày 27/12/2019, Toà án nhân dân Quận 2 (nay là Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

"Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H:

Hủy Quyết định số 2101/QĐ-UBND ngày 09/4/2013 của Ủy ban nhân dân Quận B về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đối với ổng Nguyễn Văn H (là người được hưởng di sản của ông Nguyễn Văn N và bà Hồ Thị G chết để lại) có căn nhà (thửa đất) số: 215C (ấp 2 cũ), phường A, Quận B (vị trí giáp mặt tiền đường L) thuộc một phần thửa 123, 126 tờ bản đồ số 65 (BĐĐC 2003), phường A, Quận B.

Ủy ban nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm giải quyết lại việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư nhà đất tại Số B (ấp B cũ), phường A, Quận B vị trí giáp mặt tiền đường Lương Định Của) thuộc một phần thửa 123, 126, tờ bản đồ số 65 (BĐĐC 2003), phường A, Quận B cho ông Nguyễn Văn H diện tích 245m^2 (Trừ đi phần diện tích 0,7m^2 đã bồi thường trong dự án đại lộ Đ) theo quy định tại tiết a, điểm 5.1, khoản 5 và tiết a, điểm 11.1, khoản 11, Mục I, phần B của Phương án số 129/PA-HĐBT ngày 04/4/2012 Dự án Bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư để thu hồi đất đầu tư xây dựng đoạn tuyến kết nối Đại lộ Đ – Tây với tuyến đường Cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - L - D trên địa bàn Quận B.

Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 4619/QĐ-UBND-TNMT ngày 22/7/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B."

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 30/01/2020, Ủy ban nhân dân Quận B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh có đơn kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm nêu trên.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 1030/2020/HC-PT ngày 12/11/2020, Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

"Không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh về bồi thường, hỗ trợ về đất.

Sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2019/HC-ST ngày 27/12/2019 của Toà án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hủy một phần Quyết định số 2101/QĐ-UBND ngày 09/04/2013 của Ủy

ban nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và Quyết định giải quyết khiếu nại số 4619/QĐ-UBND-TNMT ngày 22/07/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh về Bồi thường, hỗ trợ về đất.

Phần bồi thường, hỗ trợ công trình xây dựng và vật kiến trúc trên đất, bồi thường thiệt hại về trang thiết bị và tài sản khác và các khoản hỗ trợ khác không bị kháng cáo nên có hiệu lực thi hành.

Buộc Ủy ban nhân dân Quận B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định pháp luật."

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí, hiệu lực thi hành của bản án theo quy định pháp luật.

Ngày 14/01/2021, B có Văn bản số 127/UBND-BBT, đề nghị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án hành chính phúc thẩm nêu trên.

Ngày 26/5/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Thông báo số 4101/TB-VKS-HC, kiến nghị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị giám đốc thẩm đối với bản án hành chính phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 223/QĐ-VKS-HC ngày 31/10/2022, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

"1. Kháng nghị toàn bộ Bản án hành chính phúc thẩm số 1030/2020/HC-PT ngày 12/11/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm vụ án hành chính nêu trên theo hướng sửa toàn bộ bản án hành chính phúc thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H, giữ nguyên các Quyết định số 2101/QĐ-UBND ngày 09/04/2013 của Ủy ban nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và Quyết định giải quyết khiếu nại số 4619/QĐ-UBND-TNMT ngày 22/07/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn H."

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguồn gốc khu đất Đồn Đ tại phường A, Quận B (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh, trước đây là đất đồn bốt quân sự do chế độ cũ quản lý. Sau năm 1975, Nhà nước tiếp tục quản lý, sử dụng làm trụ sở cơ quan nhà nước, xây nhà tình nghĩa, một phần còn lại bị một số hộ dân chiếm dụng, xây dựng nhà ở, trong đó có gia đình cụ Hồ Thị G (mẹ của ông Nguyễn Văn H). Cụ Nguyễn Thị G1 quản lý, sử dụng nhà đất tại số B, khu phố B, phường A (mặt tiền đường N). Sau đó, cụ G1 đã phân chia cho các con một phần và trực tiếp sử dụng phần nhà đất còn lại được đánh số 215C, khu phố B, phường A (mặt tiền hướng ra đường L). Cụ G1 đã xây dựng nhà ở không phép trên phần đất tại số B, khu phố B, phường A và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó, cụ G1 lập di chúc để lại cho ông Nguyễn Văn H phần nhà đất này. Theo Bản đồ hiện trạng lập ngày 01/02/2013, được UBND phường A xác nhận ngày 02/02/2013, thì khu đất bị thu hồi có diện tích 245m^2 thuộc một phần thửa đất số 123, 126, tờ bản đồ số 65 (Bản đồ địa chính 2003), trong đó có 240,80m^2 là đất lấn chiếm đất công khu vực Đồn Đ.

[2] Như vậy, diện tích đất tại khu vực Đồn Đ có nguồn gốc là đất công, do Nhà nước quản lý. Việc không có quyết định về việc quy hoạch, sử dụng đất khu vực Đồn Đ sau năm 1975 không làm thay đổi tình trạng pháp lý của khu đất. Mặc dù, cụ Hồ Thị G có quá trình sử dụng đất liên tục, đã được tạm cấp số nhà và chưa bị xử lý hành chính đối với về chiếm dụng đất công nhưng chưa được cơ quan quản lý nhà nước công nhận quyền sử dụng đất. Các anh chị em của ông H (con cụ G) sử dụng đất có cùng nguồn gốc và ở lân cận, đã được bồi thường theo đơn giá đất ở sử dụng trước ngày 15/10/1993 là do trước đây phần diện tích đất bị thu hồi đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong khi đó, phần nhà và đất mà cụ G, ông H sử dụng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngoài ra, trong cùng Dự án đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - L - D, còn có 05 hộ dân khác lấn chiếm đất công như hộ cụ G, ông H, cũng đã bị thu hồi đất, đều đã được bồi thường, hỗ trợ tương tự như ông H và không ai khiếu nại, khiếu kiện.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm xác định phần diện tích nhà, đất tại Số B, khu phố B, phường A, Quận B đủ điều kiện để được bồi thường theo đơn giá đất ở, sử dụng trước ngày 15/10/1993 và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H là chưa xem xét toàn diện, đầy đủ các chứng cứ về tình trạng pháp lý của diện tích đất bị thu hồi. Tòa án cấp phúc thẩm tiếp tục chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn H, hủy một phần Quyết định số 2101/QĐ-UBND ngày 09/04/2013 của Ủy ban nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 4619/QĐ-UBND-TNMT ngày 22/07/2013 của Chủ tịch B, Thành phố Hồ Chí Minh là áp

dụng pháp luật không phù hợp với tình trạng pháp lý của diện tích đất bị thu hồi, gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước.

[4] Từ những nhận định trên, cần chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, sửa Bản án hành chính phúc thẩm số 1030/2020/HC-PT ngày 12/11/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 271, khoản 5 Điều 272, Điều 276, Điều 277 và Điều 278 của Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 223/QĐ-VKS-HC ngày 31/10/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; sửa Bản án hành chính phúc thẩm số 1030/2020/HC-PT ngày 12/11/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định số 2101/QĐ-UBND ngày 09/04/2013 của Ủy ban nhân dân Quận B (nay là Ủy ban nhân dân thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và Quyết định giải quyết khiếu nại số 4619/QĐ-UBND-TNMT ngày 22/07/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B (nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh về bồi thường, hỗ trợ về đất.

2. Về án phí:

2.1. Về án phí hành chính sơ thẩm: ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí hành chính sơ thẩm 200.000 đồng. Ủy ban nhân dân Quận B (nay là Ủy ban nhân dân thành phố T) và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B (nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả Ủy ban nhân dân Quận B (nay là Ủy ban nhân dân thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh án phí hành chính sơ thẩm 200.000 đồng theo biên lai thu số 0027588 ngày 17/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2 (nay là Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, được

hoàn lại 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu Tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2018/0027296 ngày 05/02/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ủy ban nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, được hoàn lại 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu Tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2018/0027295 ngày 05/02/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:
- Chánh án TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh ;
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND, VKSND Thành Phố Hồ Chí Minh;
- TAND, VKSND tp Thủ Đức, Tp.HCM;
- Cục THADS thành phố Thủ Đức; Tp.HCM;
- Đương sự; (*theo địa chỉ*);
- Lưu P.LTHS, P.GĐKT I, HS, THS, (TTCL).

KT. ỦY BAN THẨM PHÁN
PHÓ CHÁNH ÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Thiện